

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Gói thầu: Mua sắm 02 xe ô tô 7 chỗ ngồi - 2 cầu
- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm xe ô tô 7 chỗ ngồi 2 cầu cho Agribank Chi nhánh Ba Đình, Agribank Chi nhánh Như Thanh Nam Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Thanh Hóa (viết tắt là Agribank Chi nhánh Nam Thanh Hóa).
- Đại diện chủ đầu tư / Bên mời thầu: Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh Nam Thanh Hóa kiêm Chủ tịch Hội đồng mua sắm TSCĐ.
- Nguồn vốn: Mua sắm tài sản cố định của Agribank.
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt hàng hóa: Agribank Chi nhánh Nam Thanh Hóa - Địa chỉ: Số 56, phố 2, xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa.
- Thời hạn hoàn thành: Tiến độ hoàn thành cung cấp lắp đặt toàn bộ hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT này yêu cầu ≤ 10 ngày (được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao hàng hóa).
- Phạm vi công việc của gói thầu: Bao gồm mua sắm 02 xe ô tô 7 chỗ ngồi 2 cầu cho Agribank Chi nhánh Thường Xuân Nam Thanh Hóa sản xuất mới 100% chưa qua sử dụng từ năm 2024 trở lại đây theo yêu cầu của E-HSMT này.
- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trong đó không bao gồm: Thuế trước bạ, chi phí đăng ký, chi phí đăng kiểm.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Chung loại hàng hóa yêu cầu: 02 xe ô tô 7 chỗ ngồi 2 cầu sản xuất mới 100% chưa qua sử dụng từ năm 2024 trở lại đây.
- Tiêu chuẩn hàng hóa: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Đóng gói, vận chuyển, và bàn giao: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm:
 - + Hàng hóa cung cấp lắp đặt được cung cấp tới địa điểm yêu cầu của E-HSMT phải trong dạng đóng gói hoặc niêm phong theo quy định của nhà sản xuất; các thông số bên trong phải phù hợp với đặc tính kỹ thuật được thỏa thuận trong hợp đồng. Bất kỳ sự thay đổi nguồn gốc, chủng loại, quy cách kỹ thuật nào sẽ không được chấp thuận.
 - + Địa điểm cung cấp, lắp đặt và bàn giao hàng hóa: Tại Trụ sở Agribank Chi nhánh Nam Thanh Hóa – Địa chỉ: Số 56, phố 2, xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa trong giờ hành chính.
- Vận hành chạy thử, hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ: Tại Trụ sở Agribank Chi nhánh Nam Thanh Hóa – Địa chỉ: Số 56, phố 2, xã Lưu Vệ, tỉnh Thanh Hóa trong giờ hành chính.

1.2.2. Yêu cầu cụ thể và chỉ dẫn kỹ thuật:

a) Tài liệu kỹ thuật trong E-HSDT:

- Nhà thầu phải cung cấp catalogue, các tài liệu kỹ thuật do hãng sản xuất hàng hóa phát hành và các tài liệu kỹ thuật khác liên quan có đầy đủ nội dung chứng minh nguồn gốc xuất xứ (mã hiệu, hãng, nước, năm sản xuất), đặc tính kỹ thuật, thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu đáp ứng yêu cầu của E-HMT. Nếu là ngôn ngữ của catalogue và các tài liệu kỹ thuật không phải Tiếng Việt thì phải có bản dịch sang tiếng Việt (nhà thầu chịu trách

nhiệm về tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch).

- Nếu trường hợp Catalogue và các tài liệu kỹ thuật không đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính và thông số kỹ thuật của hàng hóa thì phải có Văn bản xác nhận các đặc tính và thông số kỹ thuật của hãng sản xuất.

- Có đầy đủ các tài liệu hướng dẫn vận hành, sử dụng, bảo trì, bảo hành.

- Nhà thầu có cam kết cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa, vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế trong vòng 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng.

b) Các yêu cầu về hàng hóa cung cấp lắp đặt:

- Hàng hóa cung cấp lắp đặt phải được sản xuất đồng bộ, chính hãng và mới 100% chưa qua sử dụng sản xuất từ năm 2024 trở lại.

- Hàng hóa cung cấp nhà thầu phải đảm bảo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn quy phạm hiện hành, tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

- Hàng hóa cung cấp lắp đặt xong phải tiến hành vận hành chạy thử. Những tài liệu hướng dẫn về công tác vận hành và bảo dưỡng phải được bảo quản cẩn thận, tài liệu hướng dẫn phải rõ ràng, chính xác. Chế độ vận hành và bảo dưỡng phải tuân thủ tuyệt đối yêu cầu kỹ thuật và quy định, hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Nhà thầu phải đảm bảo có sẵn thiết bị, cụm thiết bị hoặc hàng hóa thay thế sẵn sàng trong trường hợp hàng hóa cung cấp có sự cố để đảm bảo việc sử dụng không gián đoạn của hàng hóa.

- Trước khi nghiệm thu bàn giao phải tiến hành tổ chức kiểm tra và nghiệm thu về nguồn gốc xuất xứ, chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật khác liên quan.

- Hàng hóa cung cấp lắp đặt xong phải tiến hành vận hành, chạy thử. Chế độ vận hành và bảo dưỡng phải tuân thủ tuyệt đối yêu cầu kỹ thuật và quy định, hướng dẫn của nhà sản xuất.

c) Vận hành, chạy thử:

- Toàn hàng hóa sau khi lắp đặt phải được vận hành, thử nghiệm để chứng tỏ rằng thiết bị thỏa mãn toàn bộ các yêu cầu kỹ thuật. Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ các thiết bị, dụng cụ cần thiết, nhân sự để tiến hành vận hành, thử nghiệm bằng chi phí của mình kể cả chi phí thay thế mới các chi tiết bị hư hỏng hay buộc phải hư hỏng sau sử dụng (*Các chi phí này cần đưa vào ngay trong giá chào thầu của nhà thầu khi chào hàng*).

- Khi vận hành thử phải có sự tham gia của đại diện nhà thầu và đại diện chủ đầu tư. Khi cần thiết chủ đầu tư có thể mời đơn vị chức năng tham gia đánh giá chất lượng thiết bị.

- Chủ đầu tư có quyền tiến hành các kiểm tra bổ sung. Nếu có kết quả không đúng theo E-HSMT được phê duyệt trúng thầu và hợp đồng mua bán hàng hóa thì chi phí kiểm tra bổ sung nhà thầu phải chịu, cũng như mọi chi phí sửa chữa cho tới khi hoàn chỉnh.

d) Nghiệm thu bàn giao:

- Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi các bên liên quan tiến hành ký kết biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao hàng hóa.

- Mọi thủ tục nghiệm thu hoàn thành bàn giao hàng hóa được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật. Nhà thầu có quyền đưa vào trong đề xuất tài chính toàn bộ các chi phí cần thiết để đảm bảo cho mình nhận được chứng chỉ hoàn thành công việc.

- Nhà thầu bằng chi phí của mình chuẩn bị và nộp hồ sơ thanh toán theo quy định.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo hành hàng hóa ngay khi các bên liên quan tiến hành ký kết biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao hàng hóa.

e) Yêu cầu bảo hành:

Hàng hóa được bảo hành tính kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao hàng hóa cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng đảm bảo từ khi có thông báo đến khi thực hiện bảo hành là ≤ 24 giờ:

- Thời gian bảo hành của xe: ≥ 03 năm (36 tháng) hoặc ≥ 100.000 km tùy theo điều kiện nào đến trước, áp dụng kể từ ngày bàn giao xe ghi trên phiếu bảo hành theo tiêu chuẩn bảo hành của nhà sản xuất.

- Thời gian thực hiện bảo hành: Từ khi có thông báo đến khi thực hiện bảo hành là < 24 giờ đảm bảo

- Địa điểm bảo hành: Tại Trung tâm bảo hành chính hãng tại Việt Nam đảm bảo thời gian bảo hành theo kế hoạch từ khi có thông báo của Chủ đầu tư đến khi thực hiện bảo hành là ≤ 24 giờ.

f) Dịch vụ hỗ trợ

Các hồ sơ tài liệu sau đây nhà thầu phải cung cấp:

- Hướng dẫn vận hành, sử dụng: Cung cấp các thông tin cần thiết cho người không quen thuộc có thể hiểu và sử dụng được.

- Hướng dẫn bảo dưỡng, bảo trì: Cung cấp kế hoạch bảo dưỡng ngăn ngừa và kế hoạch bảo trì cho các thiết bị, danh mục các bước thứ tự kiểm tra cho từng thiết bị ...

g) Yêu cầu về mặt kỹ thuật và chỉ dẫn kỹ thuật cụ thể:

Theo bảng sau:

Bảng yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

TT	Nội dung	Thông số và các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu (hoặc tương đương) nhà thầu tham khảo xe ô tô hãng Mitsubishi nhãn hiệu PAJERO SPORT GLS G4 AT PREMIUM (PAJERO SPORT GLS G4x4 AT-H) sản xuất từ năm 2024 trở lại đây tại Thái Lan (hoặc tương đương)
I.	THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	
1.	Năm sản xuất	Từ năm 2024
2.	Số chỗ ngồi	7 chỗ
3.	Tiêu chuẩn khí thải	EURO V
4.	Chất lượng – Tình trạng phương tiện	Mới 100% - Chưa qua sử dụng
5.	Màu sắc ngoại thất	Đen
6.	Dung tích xi lanh	2.998 cc
7.	Hộp số / Số cầu	Hộp số tự động 8 cấp / 2 cầu
8.	Nhiên liệu	Xăng
II.	THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHI TIẾT (SPECIFICATIONS)	
	KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG (DIMENSION & WEIGHT)	
1.	Kích thước tổng thể (Dài x Rộng x Cao)	$\geq 4.840 \times 1.815 \times 1.835$ (mm)
2.	Khoảng cách hai cầu xe	≥ 2.800 (mm)
3.	Khoảng cách hai bánh xe trước	≥ 1.520 (mm)
4.	Khoảng cách hai bánh xe sau	≥ 1.515 (mm)
5.	Bán kính quay vòng tối thiểu	≥ 5.600 (mm)
6.	Khoảng sáng gầm xe	≥ 218 (mm)
7.	Trọng lượng toàn tải	≥ 2.670 (kg)
	ĐỘNG CƠ	
8.	Loại động cơ	Xăng, 6B31 MIVEC

TT	Nội dung	Thông số và các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu (hoặc tương đương) nhà thầu tham khảo xe ô tô hãng Mitsubishi nhãn hiệu PAJERO SPORT GLS G4 AT PREMIUM (PAJERO SPORT GLS G4x4 AT-H) sản xuất từ năm 2024 trở lại đây tại Thái Lan (hoặc tương đương)
9.	Hệ thống nhiên liệu	Phun xăng đa điểm điều khiển điện tử
10.	Dung tích xylanh	≥ 2.998 (cc)
11.	Công suất cực đại	$\geq 210/6000$ (PS/rpm)
12.	Mômen xoắn cực đại	$\geq 279/4000$ (N.m/rpm)
13.	TRUYỀN ĐỘNG VÀ HỆ THỐNG TREO	
14.	Hộp số	Hộp số tự động 8 cấp - chế độ thể thao
15.	Truyền động	Dẫn động 2 cầu Super Select 4WD II
16.	Trợ lực lái	Trợ lực dầu
17.	Hệ thống treo trước	Độc lập, tay nhún kép, lò xo cuộn với thanh cân bằng
18.	Hệ thống treo sau	Lò xo liên kết 3 điểm với thanh cân bằng
19.	Kích thước lốp xe trước/sau	$\geq 265/60R18$
20.	Phanh trước	Đĩa thông gió
21.	Phanh sau	Đĩa thông gió
	TRANG THIẾT BỊ NGOẠI THẤT	
22.	Đèn pha	LED dạng thấu kính
23.	Hệ thống điều chỉnh độ cao đèn chiếu sáng	Tự động
24.	Đèn LED chiếu sáng ban ngày LED	Có
	TRANG THIẾT BỊ NỘI THẤT	
25.	Vô lăng và cần số bọc da	Có
26.	Nút điều khiển âm thanh trên vô lăng	Có
27.	Chìa khóa thông minh (KOS)	Có
28.	Khởi động bằng nút bấm (OSS)	Có
29.	Hệ thống ga tự động	Có
30.	Phanh tay điện và giữ phanh tự động	Có
31.	Điều hòa nhiệt độ tự động	Hai vùng độc lập
32.	Chất liệu ghế	Da
33.	Ghế tài xế	Chỉnh điện - ≥ 8 hướng
34.	Ghế hành khách trước	Chỉnh tay
35.	Màn hình hiển thị thông tin	≥ 8 inch Digital
36.	Hệ thống âm thanh	Màn hình cảm ứng ≥ 8 inch Bluetooth/Radio/Android Auto, Apple Carplay
37.	Số lượng loa	≥ 6 cái
	AN TOÀN	
38.	Túi khí an toàn	≥ 03 túi khí

TT	Nội dung	Thông số và các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu (hoặc tương đương) nhà thầu tham khảo xe ô tô hãng Mitsubishi nhãn hiệu PAJERO SPORT GLS G4 AT PREMIUM (PAJERO SPORT GLS G4x4 AT-H) sản xuất từ năm 2024 trở lại đây tại Thái Lan (hoặc tương đương)
39.	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)	Có
40.	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD)	Có
41.	Hệ thống trợ lực phanh khẩn cấp (BA)	Có
42.	Hệ thống cân bằng điện tử & kiểm soát lực kéo (ASTC)	Có
43.	Hệ thống khởi hành ngang dốc (HSA)	Có
44.	Hệ thống cảnh báo điểm mù (BSW)	Có
45.	Hệ thống chống tăng tốc ngoài ý muốn (UMS)	Có
46.	Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi (RCTA)	Có
47.	Hệ thống thay đổi làn đường (LCA)	Có
48.	Hệ thống hỗ trợ xuống dốc (HDC)	Có
49.	Chế độ lựa chọn địa hình off-road	Có
50.	Camera quan sát 360	Có
51.	Cảm biến lùi	Có
52.	Chốt cửa tự động	Có

Mục 2. Bản vẽ:

Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

- Kiểm tra tổng thể hàng hóa, kiểm tra 100% chi tiết thiết bị, phụ kiện của hàng hóa theo “Bảng yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật” nêu tại Mục 1 Chương này;
- Kiểm tra C/O; C/Q; Các hồ sơ tài liệu kỹ thuật khác liên quan;
- Kiểm tra các phần mềm cài đặt, vận hành và chạy thử các phần mềm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất;
- Kiểm tra chạy không tải theo tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất;
- Kiểm tra chạy có tải theo tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất.